

Asahi

#500

T/C bias tape

T/C バイアステープ

T/C bias tape

T/C バイアステープ

[#500]

Quality Sample

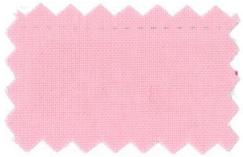


※ Will be discontinued due to limited stock.
 ※ 在庫限りで販売終了となります

Color Samples



Polyester 65%
Cotton 35%
ポリエステル 65%
綿 35%
Fabric width 120cm
生地巾 120cm



V-45



V-115



518



V-106



V-116



*V-64



517



*V-12



V-107



V-117



V-65



V-70



V-8



V-112



V-105



*V-66



*V-71



V-74



V-111



V-104



542



V-33



522



*V-34



V-118



543



*V-72



V-9



523



V-76



544



V-35



V-75



524



558



545



V-10



V-108



V-78



513



V-38



516



526



V-11



V-77



V-73



531

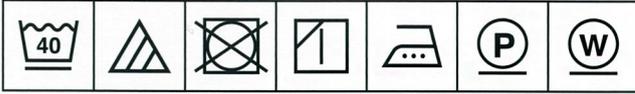


V-31

Washing cautions 洗濯上の注意

- Wash well with water. Hang out to dry immediately.
- Do not leave wrung or soaked in water for a long time.
- Do not use detergents with bleaching agents as they may cause the material to discolor. A neutral detergent is most suitable.
- 水洗いは充分にしてください。水洗いのあとは、早く干してください。
- 絞ったままや、水につけたままでの長時間にわたる放置は、さけてください。
- 漂白剤入りの洗剤をご使用になりますと、変色することがありますので、ご使用にならないでください。中性洗剤が最適です。

Care symbols 取扱い絵表示



Ironing caution アイロンがけの注意

- Dry completely before ironing. Ironing partially dry material may cause the color to fade.
- なま乾きのままでアイロンをかけると、色落ちすることがありますのでよく乾かしてからアイロンをかけてください。

| Color list カラー一覧 | Colorfastness 染色堅牢度 | |
|---|------------------------|-------------------|
| 501 V-17 V-105 503 V-18 V-109 507 V-19 V-112 509 V-36 V-113 517 V-37 V-114 518 V-44 522 V-46 527 V-50 534 V-101 551 V-102 561 V-103 | Light 耐光堅牢度 | Class 3 3級 |
| | Dry rubbing 乾摩擦堅牢度 | Class 4~5 4~5級 |
| | Wet rubbing 湿摩擦堅牢度 | Class 4 4級 |
| | Water 水堅牢度 | Class 4~5 4~5級 |
| 502 542 V-13 V-45 V-108 V-123 504 543 V-14 V-52 V-110 V-124 508 544 V-16 V-54 V-111 510 548 V-22 V-60 V-115 513 554 V-23 V-64 V-116 519 558 V-28 V-65 V-117 532 559 V-30 V-70 V-118 535 V-1 V-33 V-76 V-119 536 V-5 V-40 V-104 V-120 538 V-8 V-41 V-106 V-121 540 V-12 V-42 V-107 V-122 | Light 耐光堅牢度 | Class 3~4 3~4級 |
| | Dry rubbing 乾摩擦堅牢度 | Class 4 4級 |
| | Wet rubbing 湿摩擦堅牢度 | Class 3 3級 |
| | Water 水堅牢度 | Class 4 4級 |
| 505 530 V-10 V-51 V-68 506 531 V-11 V-53 V-71 515 545 V-21 V-55 V-72 516 553 V-24 V-56 V-73 521 555 V-25 V-57 V-74 523 556 V-26 V-58 V-75 524 560 V-31 V-59 V-77 525 V-2 V-34 V-61 V-78 526 V-3 V-35 V-62 528 V-4 V-38 V-66 529 V-9 V-43 V-67 | Light 耐光堅牢度 | Class 4 4級 |
| | Dry rubbing 乾摩擦堅牢度 | Class 3 3級 |
| | Wet rubbing 湿摩擦堅牢度 | Class 3 3級 |
| | Water 水堅牢度 | Class 3~4 3~4級 |